TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 13/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Trường T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1. Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn Vủ C, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn Trường T trình bày: Chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn Vủ C có vay của anh 02 lần vào ngày 24/8/2022 vay số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* đến ngày 12/9/2022 tiếp tục vay số

tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*, lãi thỏa thuận 2.000.000đ/tháng. Hai lần vay đều viết Giấy vay tiền và thỏa thuận khi nào anh cần vốn thì thông báo trước 30 ngày. Đến tháng 3/2024 anh thông báo yêu cầu anh Vủ C, chị D trả vốn, anh Vủ C, chị D hứa trả nhưng vẫn không thực hiện. Anh khởi kiện yêu cầu anh Vủ C, chị D có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ là 200.000.000đ và 08 tháng tiền lãi (tính từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024) số tiền 32.000.000đ, tổng cộng vốn lãi là 232.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2024 bị đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày: Chị thừa nhận có vay tiền và còn nợ tiền vốn như nguyên đơn trình bày. Do vợ chồng chị trồng cam bị thua lỗ, vợ chồng chị năn nỉ anh T cho trả dần số tiền vốn còn nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vốn 200.000.000đ và vốn 32.000.000đ, chị xin trả dần số tiền vốn, không đồng ý trả số tiền lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Vủ C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Văn Trường T trình bày: Khi anh Vủ C, chị D đến vay tiền của anh. Chị D đưa ra mức lãi là 2%/tháng. Chị D, anh Vủ C trả lãi đến tháng 09/2023 thì xin giảm lãi thành 10.000.000đ/03 tháng/200.000.000đ tương đương 1,66%/tháng, anh cũng đồng ý. Nhưng chị D, anh Vủ C trả lãi cho anh đến tháng 03/2024 thì ngưng cho đến nay. Anh yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật bằng 20%/năm tương đương 1,66%/tháng tính từ tháng 04/2024 đến tháng 11/2024 số tiền làm tròn là 26.000.000đ.

Bị đơn chị Lê Thị Kiều D vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn Vủ C vắng mặt không lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Vủ C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Trường T về việc yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Kiều D, anh Nguyễn Văn Vủ C trả số tiền vốn còn nợ 200.000.000đ và lãi số tiền 26.000.000đ, tổng cộng vốn lãi là 226.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Giữa anh Trần Văn Trường T và chị Lê Thị Kiều D có xác lập 02 hợp đồng vay tài sản thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 24/8/2022 và ngày 12/9/2022, khi xác lập hợp đồng vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000.000đ/100.000.000đ/tháng tương đương 2%/tháng, thời hạn trả vốn là tháng 12/2022. Sau khi vay tiền chị D trả lãi theo thỏa thuận đến tháng 12/2022 không trả được vốn nên hai bên thỏa thuận tiếp tục trả lãi đến tháng 12/2023. Đến tháng 09/2023 bị đơn xin giảm lãi còn 1,66%/tháng, nguyên đơn đồng ý nhưng bị đơn trả lãi đến tháng 3/2024 thì ngưng trả lãi. Như vậy cho thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không trả vốn đúng thời gian thỏa thuận theo giấy vay tiền, hai bên tiếp tục gia hạn hợp đồng và nguyên đơn đồng ý giảm lãi và thông báo thời hạn trả vốn cho nguyên đơn. Nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị D có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn còn nợ 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 24/8/2022 và ngày 12/9/2022 giữa anh Trần Văn Trường T và chị Lê Thị Kiều D thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tại phiên tòa, anh T trình bày khi thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng nhưng anh Vủ C và chị D chỉ trả lãi đến tháng 9/2023 thì xin giảm lãi còn 1,66%/tháng. Như vậy cho thấy, nguyên đơn và bị đơn thực hiện hợp đồng vay thỏa thuận lãi suất bằng 2%/ tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn chỉ trả lãi cho nguyên đơn đến tháng 12/2023 thì nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn còn 1,66%/tháng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn đến tháng 3/2024 thì ngưng cho đến nay. Tuy số tiền bị đơn trả lãi cho nguyên đơn trong thời hạn 12 tháng cao hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có yêu cầu về số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn. Mặt khác, từ tháng 4/2024 đến nay bị đơn không có trả lãi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi trong thời gian 08 tháng (tính từ tháng 4/2024 đến tháng 11/2024) tính mức lãi suất bằng 1,66%/tháng, số tiền làm tròn là 26.000.000đ là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Đối với yêu cầu của anh Trần Văn Trường T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Vủ C có nghĩa vụ trả số tiền vốn 200.000.000đ và số tiền lãi còn nợ là 26.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh Nguyễn Văn Vủ C và chị Lê Thị Kiều D là vợ chồng hợp pháp. Số tiền chị D vay của anh T để bổ sung vốn trồng cam nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Do đó, anh T yêu cầu chị D và anh Vủ C có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Trường T được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn Vủ C có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với

số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc bà chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn Vủ C có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.300.000đ (*Mười một ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 288, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Trường T.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn Vủ C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Văn Trường T số tiền vốn 200.000.000đ và lãi số tiền 26.000.000đ, tổng cộng vốn lãi là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/02/2025) nếu bị đơn chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn Vủ C có nghĩa vụ nộp số tiền 11.300.000đ (*Mười một ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Trần Văn Trường T số tiền 5.800.000đ *(Năm triệu tám trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011745 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga